TƯ LIỆU - ĐÍNH CHÍNH SỬ LIỆU

PHÁT HIỆN ẤN ĐỒNG "TY HỘI ĐẠI SỨ" TRIỀU VUA QUANG TRUNG

LƯƠNG CHÁNH TÒNG*

1. Ấn đồng 司會大使 "Ty hội Đại sứ"

Ấn bằng chất liệu đồng nguyên khối, hình chữ nhật. Kích thước cao tổng thể: 5,7cm; dài 11,2cm, rộng ngang 7,5cm; trọng lượng ấn nặng 1.192 gram (1,192kg). Núm dấu hình chuôi vồ cao 3,7cm, đường kính chuôi 2,88cm); thân ấn dày tổng thể: 1,8cm, giật cấp (cấp dưới dày 1,35cm, cấp trên dày 0,45cm) (*Hình 1-4*).





Cạnh phải



Cạnh trái





Hình 1-4: Ấn Ty hội Đại sứ thời Tây Sơn - niên đại Quang Trung 1791
(Ảnh: Lương Chánh Tòng)

*TS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXH&NV, Tp.Hồ Chí Minh

Lưng ấn, theo chiều dọc, bên trái khắc chìm dòng lạc khoản bằng chữ Hán theo lối chữ chân phương dễ đọc: 辛 亥 年 冬 造 (Tân Hợi niên Đông tạo); bên phải khắc tên của ấn: 司 會 大 使 (Ty hội Đại sứ).

Mặt ấn đúc 4 chữ Hán theo kiểu chữ triện, kỹ thuật đúc, khắc sâu, đường nét ngay ngắn và chi tiết, độ phong hoá trong các khe chữ thể hiện bằng các dấu vết son/mực dấu cũ, đồng hoá lên ten, nội dung âm bản đọc từ trên xuống dưới, từ trái sang phải. Bản rập (dương bản) đọc từ trên xuống dưới, từ phải sang trái: 司 會 大 使 (Ty hội Đại sứ).

Về địa điểm và thời gian phát hiện ấn *Ty hội Đại sứ*, theo chủ sở hữu, ấn này được một nhóm người làm xây dựng tìm thấy trong quá trình đào móng làm nhà vào năm 2002, khu vực tìm thấy nay là phường Hương Sơ, thành phố Huế. Tuy nhiên hiện tại không rõ vị trí chính xác ở đâu.

2. Niên đại và chủ nhân

Về niên đại

Về niên đại, lưng ấn cạnh trái khắc 5 chữ Hán theo chiều dọc: 辛 亥 年 冬 造 Tân Hợi niên Đông tạo - ấn đúc vào mùa Đông (tháng 10-12) năm Tân Hợi. Căn cứ vào lịch âm dương, chúng ta biết năm Tân Hợi giai đoạn thế kỷ XVIII, XIX có các năm 1731, 1791, 1851. Năm 1731 phong trào Tây Sơn chưa hình thành, năm 1851 triều Nguyễn đã có hệ thống ấn triện riêng và có đầy đủ hệ thống quản lý hành chính khác nhau không có ấn nào mang đặc điểm như của thời Tây Sơn.

Hơn nữa, so sánh với hệ thống ấn hiện đang lưu giữ và trưng bày tại một số bảo tàng và sưu tập tư nhân đã được xác định niên đại một cách chính xác; đối chiếu với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Công Việt trong công trình *Ấn chương Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX* mà ông đã xác định một số ấn có hình dáng, đặc điểm, kỹ thuật chế tác và niên đại Can Chi: Tân Hợi niên Đông tạo, tương tự như ấn *Ty hội Đại sứ* này, được xếp niên đại vào năm 1791 (1). Đây là cơ sở khoa học tạo giúp cho việc xác định niên đại của chiếc ấn Ty Hội Đại Sứ.

Với những tổng hợp trên, căn cứ vào so sánh đối chiếu về chất liệu, kiểu dáng, hình thức tạo tác, lối chữ, lạc khoản ghi niên đại cũng như một số đặc điểm so sánh khác và những ghi chép lịch sử thời Tây Sơn, có thể khẳng định ấn *Ty hội Đại sứ* được đúc vào mùa Đông năm Tân Hợi (1791) dưới triều vua Quang Trung (1788-1792).

Về tên gọi và cơ quan sử dụng ấn

Tên gọi ấn và cơ quan sử dụng được chạm khắc trên cạnh phải trên lưng ấn, bằng chữ Hán kiểu chân phương và mặt ấn đúc theo kiểu chữ Triện, cả hai đều thống nhất nội dung với 4 chữ Hán: 司 會 大 使 (Ty hội Đại sứ).

Theo từ điển Hán Việt và từ điển tiếng Việt, cụm từ *Ty hội Đại sứ* được hiểu như sau:

Ty (司): là chức quan, người trông coi việc Sở quan, Cơ quan trung ương.

Hội (會): là đoàn thể, nhóm, tổ chức, cuộc họp, cuộc gặp mặt, thời cơ, dịp.

Đại sứ (大 使): là một danh từ dùng để chỉ người đứng đầu cơ quan ngoại giao (bang giao) của nhà nước. *Từ điển Hán - Việt* của Đào Duy Anh giải thích Đại sứ là công sứ trú ở ngoại quốc, cao hơn công sứ thường một bậc (2). *Từ điển tiếng Việt* của Viện Ngôn ngữ học giải thích rõ hơn: Đại sứ là đại diện ngoại giao cấp cao nhất có đầy đủ quyền hạn để nhân danh nhà nước mình giao thiệp với nhà nước sở tại (3).

Như vậy là trong cách hiểu này, *Ty hội Đại sứ* được hiểu là chức quan đứng đầu của cơ quan trung ương về ngoại giao thời Tây Sơn của vua Quang Trung.

Như trên đã trình bày, triều Tây Sơn hiện rất ít các nguồn sử liệu, ngoại trừ những ghi chép tản mạn giai đoạn sau

cũng như một số nguồn thư tịch hiện đang lưu giữ ở nước ngoài, hơn nữa thời gian tồn tại khá ngắn (1771-1802), nội chiến và mâu thuẫn nội bộ liên miên, khó tập trung hoàn thiện xây dựng nhà nước một cách có hệ thống... Vì thế, cho đến nay, vẫn chưa có một công trình khảo cứu nào mang tính chất đầy đủ hệ thống về tổ chức nhà nước, quân đội và quan chế thời Tây Sơn. Cho nên, việc nghiên cứu hệ thống các cơ quan mà những di tồn vật chất như trường hợp các ấn thời Tây Sơn hiện nay gặp rất nhiều khó khăn để có thể bổ sung, làm rõ được những vấn đề liên quan.

Công trình nghiên cứu có hệ thống và đầy đủ nhất về chế độ quan chức Việt Nam của Đỗ Văn Ninh cho đến nay cũng không có bất kỳ một đề cập nào liên quan đến Ty hội Đại sứ, Đại sứ, Sứ ty/Ty sứ... (4).

Trong bài *Vài nét về tổ chức chính quyền, quân đội và tên chức quan thời Tây Sơn* đăng trên Tạp chí *Hán Nôm*, số 4 (59) năm 2003, tác giả Nguyễn Công Việt cho biết: "Năm Quang Trung 3 (1790) Nguyễn Huệ củng cố hệ thống Lục bộ, thăng cấp cho người có tài có công như Ngô Thì Nhậm được thăng làm Thượng thư bộ Binh, Vũ Duy Tấn làm Đãi chiếu Thượng thư bộ Công, Nguyễn Thế Lịch làm Thượng thư bộ Lại, Ninh Tốn làm Hữu Thị lang bộ Binh... Tháng 4 năm 1790, Tây Sơn lập đoàn sứ bộ sang Trung Quốc do Phan Huy Ích cùng một số văn quan khác làm sứ thần. Trong năm này các tổ chức Viện, Ty được xây dựng và hoàn thiện như việc thành lập Viện Sùng chính mà La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp được phong làm Viện trưởng. Đây là điểm mới trong tổ chức Trung ương của triều Quang Trung có liên quan đến văn hóa giáo dục đương thời" (5).

Mặc dù không dẫn nguồn sử liệu để đưa ra những nhận định trên, tuy nhiên nghiên cứu của Nguyễn Công Việt đã cho chúng ta biết, bên cạnh việc thành lập các Viện thuộc cơ quan của triều đình vào năm 1790 vua Quang Trung đã cho thành lập cả các Ty để hoàn thiện dần bộ máy tổ chức nhà nước.

Mặc dù, chúng ta không biết được cụ thể Ty hội Đại sứ của ấn trên được thành lập thời gian nào, ai phụ trách, nội dung hoạt động của cơ quan này là gì. Tuy nhiên, đi vào giải nghĩa của cụm từ, chúng ta có thể thấy được Ty là cơ quan trung ương, Hội có nghĩa là một tập hợp, một đoàn, Đại sứ có nghĩa là dùng cho sứ bộ đi sứ để thực hiện các nhiệm vụ bang giao. Và con dấu Ty hội Đại sứ (chuyên thực hiện công việc ngoại giao, sứ bộ) này đã xác nhận và bổ sung thêm một nguồn "sử liệu vật thật" cho nghiên cứu trên của Nguyễn Công Việt một cách thuyết phục.

Liên quan đến vấn đề hoạt động bang giao thời Tây Sơn, chúng ta trở lại với những ghi chép liên quan đến hoạt động của các sứ bộ thời Tây Sơn tổng hợp các ghi chép từ *Đại Nam liệt truyện* (6). Đặc biệt là các nghiên cứu sau này của các nhà sử học Việt Nam, được tổng hợp như sau:

+ *Sứ bộ thứ nhất,* do Hô Hổ Hầu dẫn đầu mang thư của vua Quang Trung (do Ngô Thì Nhậm soạn) gửi cho Thang Hùng Nghiệp là viên quan coi việc quân sự của triều Thanh ở Quảng Tây để giảng hòa và bàn việc trao trả cho nhà Thanh hơn tám trăm tù binh bị Tây Sơn bắt giữ sau chiến thắng xuân Kỷ Dậu (1789) (7).

+ *Sứ bộ thứ hai*, do Nguyễn Quang Hiển, Ngô Văn Sở và Vũ Huy Tấn dẫn đầu, cũng đi trong năm 1789, mang cống phẩm sang Bắc Kinh vào chầu vua Càn Long (1736 - 1795)

và dâng biểu xin phong cho vua Quang Trung là An Nam quốc vương (8).

+ *Sứ bộ thứ ba,* do Nguyễn Hoành Khuông dẫn đầu đi sứ vào năm 1789, sang gặp Tổng đốc Lưỡng Quảng Phúc Khang An để hỏi chuyện mua sâm cho mẹ của vua Quang Trung. Phúc Khang An đã mua bốn lạng nhân sâm giao cho Thang Hùng Nghiệp chuyển gấp sang Lạng Sơn để chuyển về Phú Xuân cho vua Quang Trung, đồng thời báo tin vua Quang Trung cử sứ thần sang mua sâm cho Thanh triều ở Yên Kinh (Bắc Kinh). Vua Càn Long đã gửi ngay cho vua Quang Trung một cân nhân sâm hạng tốt lấy từ kho thượng phương của triều đình. Sau đó sứ thần Nguyễn Hoành Khuông đã đi Yên Kinh nhằm chuẩn bị cho việc vua Quang Trung sang mừng thượng thọ vua Càn Long (9).

+ *Sứ bộ thứ tư*, do Phạm Công Trị (được coi là đóng giả vua Quang Trung) dẫn đầu, cùng Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chân, Phan Huy Ích sang Yên Kinh vào năm 1790 mừng thọ vua Càn Long, kết hợp tạ ân vua Càn Long đã chấp thuận giảng hòa và phong vương cho vua Quang Trung (10).

+ *Sứ bộ thứ năm,* do Nguyễn Văn Dũng (tư liệu chép là Vũ Văn Dũng) làm chánh sứ, đi sứ vào năm 1792, sang cầu hôn công chúa nhà Thanh cho vua Quang Trung và yêu cầu nhà Thanh trả lại cho Việt Nam đất Lưỡng Quảng (11). Nghiên cứu về *Sứ thần Việt Nam* thì thời gian này được xác định vào tháng 4 năm 1792, đồng thời bổ sung thêm chi tiết, ngoài chánh sứ Đại tư đồ - Võ Quốc công Nguyễn Văn Dũng, còn có Phan Huy Ích, Võ Huy Tán đưa giả vương Phạm Công Trị sang Yên Kinh (Trung Quốc) (12).

Nhà sử học Văn Tân còn cho biết thêm thông tin về đoàn sứ giả này qua tác phẩm *Cách mạng Tây Sơn*: Năm 1792, vua Quang Trung cử đoàn sứ giả sang nhà Thanh cầu hôn để dò xét thái độ vua Thanh, muốn làm chuyện này để mượn cớ khởi binh, nhưng rồi bị bệnh không làm được. Người được cử đi sứ sang nhà Thanh là Vũ Văn Dũng. Ngoài việc cầu hôn, Vũ Văn Dũng còn xin đất Lưỡng Quảng để đóng đô nữa. Cả hai yêu cầu đều được vua Càn Long chấp nhận: Nhà vua bằng lòng cho vua Quang Trung tỉnh Quảng Tây để làm đất đóng đô và cho soạn nghi lễ để làm lễ vu quy cho công chúa Thanh triều kết duyên với hoàng đế Việt Nam. Nhưng chỉ sau đó vài hôm, Vũ Văn Dũng nhận được một tin sét đánh: vua Quang Trung mất! Do đó mọi việc đều xếp lại (13). Tuy nhiên, trong công trình *Sứ thần Việt Nam* thì sự kiện này lại do Trần Quang Diệu sang cầu hôn và đòi đất Lưỡng Quảng (14).

Theo Nguyễn Thế Long trong *Chuyện đi sứ - tiếp sứ thời xưa* thì Sứ bộ thứ sáu do Ngô Thì Nhậm làm chánh sứ, đi vào năm 1792, sang Yên Kinh báo tang vua Quang Trung và cầu phong cho Nguyễn Quang Toản, người vừa được triều đình Tây Sơn lựa chọn kế vị sau khi vua Quang Trung băng hà (15). Theo *Sứ thần Việt Nam* thì sự kiện này lại được ghi chép vào năm 1793 (16). Nghiên cứu này còn cho biết thông tin về thời gian cụ thể của đợt đi sứ của Ngô Thì Nhậm vào ngày 20 tháng 2 năm Quý Sửu (1793), đến Yên Kinh (Trung Quốc) vào ngày 08 tháng 5 và trở về vào tháng 9 Âm lịch cùng năm (17).

Với những tổng hợp tư liệu trên cho thấy, chiếc ấn *Ty hội Đại sứ* được sử dụng và liên quan đến các nhân vật lịch sử phụ trách ngoại giao trong các lần đi sứ dưới thời vua Quang Trung và vua Nguyễn Quang Toản là Vũ Văn Dũng, Phan Huy Ích, Võ Huy Tán và Ngô Thì Nhậm giai đoạn 1791-1802.

3. Ấn Ty hội Đại sứ trong hệ thống ấn triện thời Tây Sơn

Căn cứ các nguồn tư liệu về ấn triện thời Tây Sơn, ngoài nghiên cứu của Nguyễn Công Việt bao gồm một số con ấn hiện đang lưu giữ và trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, cũng như những phát hiện ấn Tây Sơn niên đại Quang Trung (1791) ở Mê Linh (Hà Nội), Đại Lãnh (Quảng Nam), cùng một số thông tin ấn triện thời Tây Sơn đang lưu giữ ở một số sưu tập tư nhân và cả một số văn bản cổ có lưu dấu ấn của thời kỳ này, bước đầu chúng tôi hệ thống hoá tư liệu như sau:

Năm 2011, nhân kỷ niệm 240 năm phong trào Tây Sơn (1771-2011), Bảo tàng Lịch sử Tp. Hồ Chí Minh đã tổ chức trưng bày và xuất bản ấn phẩm "*Cổ vật thời Tây Sơn*", với sự tham gia của nhiều bảo tàng, di tích và sưu tập tư nhân trong cả nước. Trong số hàng trăm di vật, di tích được tuyển lựa, giới thiệu, đáng chú ý là sưu tập ấn triện thời Tây Sơn với 13 ấn ần đầu được công bố:

+ Thời vua Quang Trung (1788-1792) có 5 ấn. Điều đáng lưu ý tất cả đều được đúc và khắc lạc khoản: Tân Hợi niên Đông tạo (Mùa Đông năm Tân Hợi - 1791) (18).

+ Thời vua Nguyễn Quang Toản có 8 ấn: 6 ấn thời vua Quang Toản mang niên hiệu Cảnh Thịnh (1793-1800), tập trung vào các năm 1795, 1796, 1797; 2 ấn mang niên hiệu Bảo Hưng (1801-1802) đúc vào các năm 1801 và 1802 (19).

Sau khi *Cổ vật thời Tây Sơn* được công bố có hệ thống, chúng tôi đẩy mạnh sưu tầm và tiếp tục tư liệu hóa về cổ vật thời Tây Sơn, từ các nguồn hiện vật dự kiến sưu tầm, và tiếp tục có phát hiện các con dấu thời Tây Sơn được lưu giữ trong các sưu tập tư nhân và dần thực hiện xây dựng hồ sơ hiện vật sưu tầm cho các bảo tàng của Thành phố Hồ Chí Minh. Và cho đến nay, tổng số ấn đồng thời Tây Sơn đã được chúng tôi hệ thống gồm 20 hiện vật, trong đó thời Quang Trung (1788-1792) là 10 hiện vật, niên đại tập trung toàn bộ vào mùa Đông năm 1791. Ấn thời vua Nguyễn Quang Toản gồm 10 hiện vật, niên hiệu Cảnh Thịnh có 7 hiện vật tập trung vào các năm: 1795, 1796, 1797; niên hiệu Bảo Hưng có 3 hiện vật (01 hiện vật đúc năm 1801 và 02 hiện vật đúc năm 1802 (*Xem bảng 1*).

Căn cứ vào các đặc điểm ấn triện thời Tây Sơn công bố và phát hiện cho thấy chúng đều có một đặc điểm chung là: ấn hình hộp chữ nhật, dẹt, giật 2 cấp; núm/chuôi ấn thường có dạng chuôi vồ, trên to, dưới thót thu về thân ấn, cá biệt có một số núm tạo hình thú dạng nghê há miệng như trường hợp ấn *Kim Nhị Vệ Úy Quân Phó Sứ* đúc năm 1791 dưới thời vua Quang Trung hiện đang lưu giữ tại Bảo tàng Tp.Hồ Chí Minh; lưng ấn cạnh trái chỉ khắc năm đúc theo hệ Can Chi và khoảng thời gian đúc trong năm theo mùa (Xuân, Hạ, Thu, Đông), không khắc niên hiệu vua và ngày đúc cụ thể. Sang thời Cảnh Thịnh và Bảo Hưng (niên hiệu của vua Nguyễn Quang Toản), một số ấn đúc ghi tháng như Mạnh (tháng đầu của mùa), Trọng (tháng giữa của mùa), Quý (tháng cuối của mùa) có thể xác định chính xác tháng đúc trong năm. Cạnh phải của ấn thường đúc khắc chức vụ và cơ quan dùng của ấn theo lối chữ chân, dễ đọc. Mặt ấn cũng đúc trùng tên gọi của ấn ở trên lưng ở cạnh phải theo lối chữ triện phức tạp, khó đọc.

Bảng1: Thống kê ấn triện bằng Đồng thời Tây Sơn

TT	Tên gọi	Niên hiệu/ Niên đại	Nơi lưu giữ	Kích thước (cm)			Trọng lượng (gram)	Ghi chú
				Cao	Dài	Rộng		
A	**ẤN THỜI TÂY SƠN - NIÊN HIỆU QUANG TRUNG (1788-1792)**							
1	*Suất Trung lương nhị vệ tam hiệu trung lang tướng* (ấn của viên Trung lang tướng ở Hiệu quân thứ ba, Vệ thứ hai suất Trung lương)	Quang Trung, mùa Đông năm 1791	Hiện vật Bảo tàng Lịch sử Quốc gia (LSb.2525)	5,4	9,6	6,2	?	Tư liệu Bảo tàng Lịch sử Quốc gia
2	*Suất hùng cự khai vệ ngũ hiệu đô ty* (ấn của viên tướng chức Đô ty ở Hiệu quân thứ 5, Vệ tiên phong, suất Hùng cự)	Quang Trung, mùa Đông năm 1791	Hiện vật Bảo tàng Lịch sử Quốc gia (DI 63-79)	5	10	6,8	?	Tư liệu Bảo tàng Lịch sử Quốc gia
3	*Bằng Tuyền huyện quản lý* (ấn của Quan quản lý huyện Bằng Tuyền)	Quang Trung, mùa Đông năm 1791	Thôn Khả Do, xã Viên Sơn, huyện Mê Linh, Hà Nội	3,5	8,5	5,6	?	Tư liệu Nguyễn Công Việt
4	*Tả bật đạo thiên định kỳ trung hoà vệ đô uý* (ấn của Đô uý vệ Trung Hoà, kỳ Thiên Định, đạo Tả bật)	Quang Trung, mùa Đông năm 1791	Sưu tập tư nhân Nguyễn Văn Phẩm (TP.Hồ Chí Minh)	6	10	6,6	550g	Tư liệu Bảo tàng Lịch sử TP.Hồ Chí Minh
5	*Khâm sai tiền thuỷ chi Đô đốc* (ấn của Đô đốc Khâm sai chi Tiền Thuỷ)	Quang Trung, mùa Đông năm 1791	Hiện vật Bảo tàng Tp. Hồ Chí Minh	5,5	11	7	750g	Tư liệu Bảo tàng TP.Hồ Chí Minh
6	*Tây kỳ phủ trung tín nhất vệ hộ quân sứ Vinh Hoa hầu* (ấn của viên tướng Vinh Hoa hầu chức Hộ quân sứ thuộc vệ thứ nhất Trung Tín phủ Tây Kỳ)	Quang Trung, mùa Đông năm 1791	Hiện vật Bảo tàng Tp. Hồ Chí Minh	4,5	9,5	6,5	500g	Tư liệu Bảo tàng TP.Hồ Chí Minh (Nguyễn Công Việt công bố nơi phát hiện: Thôn 6, xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam)
7	*Tả bật đạo thiên định kỳ trung định Vệ quý quân sứ* (ấn của Vệ uý quân sứ Trung định thuộc kỳ Thiên định của đạo Tả bật)	Quang Trung, mùa Đông năm 1791	Hiện vật Bảo tàng Tp.Hồ Chí Minh	4,8	10	6,7	610g	Tư liệu Bảo tàng TP.Hồ Chí Minh
8	*Doanh Trung Thừa vệ Đô uý* (ấn của Đô uý Thừa vệ doanh Trung)	Quang Trung, mùa Đông năm 1791	Hiện vật Bảo tàng Lịch sử TP.Hồ Chí Minh	5,3	10	7	610g	Tư liệu Bảo tàng Lịch sử TP.Hồ Chí Minh
9	*Kim nhị vệ quý quân phó* **sứ** (ấn của Phó sứ Vệ thứ 2)	Quang Trung, mùa Đông năm 1791	Hiện vật Bảo tàng Tp.Hồ Chí Minh	6	10	7	650g	Tư liệu Bảo tàng TP.Hồ Chí Minh
10	*Ty hội Đại sứ* (ấn của Ty Đại Sứ - Sứ Bộ)	Quang Trung, mùa Đông năm 1791	Sưu tập tư nhân Phạm Quang Minh (Thừa Thiên Huế)	5,7	11,2	7,5	1.192g	Tư liệu Lương Chánh Tòng
B	**ẤN THỜI TÂY SƠN - NIÊN HIỆU CẢNH THỊNH (1793-1800)**							
11	*Trung quân đạo suất ngũ bảo vệ uý quân sứ* (ấn của Vệ uý quân sứ thuộc suất Ngũ Bảo, đạo Trung quân)	Cảnh Thịnh, Tháng 12 năm 1795	Hiện vật Bảo tàng Tp.Hồ Chí Minh	4	9,8	6,5	560g	Tư liệu Bảo tàng TP.Hồ Chí Minh
12	*Tả bật đạo trung định hữu doanh định hùng nhị vệ đô ty* (ấn của Đô ty vệ thứ hai Định Hùng thuộc Hữu doanh, Trung định, đạo Tả bật)	Cảnh Thịnh Tháng 2 năm 1796	Hiện vật Bảo tàng Tp.Hồ Chí Minh	4	10	6,6	580g	Tư liệu Bảo tàng TP.Hồ Chí Minh

13	*Hữu bật đạo trung chi hiệu Hùng nghĩa ngũ vệ Đô đốc* (ấn của Đô đốc vệ thứ 5 Hùng Nghĩa thuộc chi hiệu Trung, đạo Hữu bật)	Cảnh Thịnh, tháng 3 năm 1796	Hiện vật Bảo tàng Tp.Hồ Chí Minh	5,3	10,8	5,2	777,3g	Tư liệu Bảo tàng TP.Hồ Chí Minh
14	*Quản Long thuyền (?) Tả vệ Nhị hiệu Đô ty* (ấn của quan Đô ty thuộc hiệu thứ 2, Tả vệ quản Long thuyền (?)	Cảnh Thịnh, tháng 5 Năm 1796	Sưu tập tư nhân tại Huế	5	9,5	6,6	?	Tư liệu Lương Chánh Tòng
15	*Trung thủy chi đại Đô đốc* (ấn của Đô đốc đạo quân Trung thủy)	Cảnh Thịnh, tháng 12 năm 1796	Hiện vật Bảo tàng Tp.Hồ Chí Minh	5	10,5	7	620g	Tư liệu Bảo tàng TP.Hồ Chí Minh
16	*Trung hùng vệ tân Tả hiệu phó Đô ty* (ấn của Phó Đô ty Tả hiệu, vệ Trung hùng)	Cảnh Thịnh, tháng 01 năm 1797	Hiện vật Bảo tàng Tp. Hồ Chí Minh	4	9,6	6,6	570g	Tư liệu Bảo tàng TP.Hồ Chí Minh
17	*Binh bộ Tả thị lang chi ấn* (ấn của Tả thị lang bộ Binh)	Cảnh thịnh, tháng 01 năm 1797	Sưu tập tư nhân Nguyễn Văn Dòng TP.Hồ Chí Minh	5	10	6,8	?	Tư liệu Bảo tàng Lịch sử TP.Hồ Chí Minh
C	**ẤN THỜI TÂY SƠN - NIÊN HIỆU BẢO HƯNG (1801-1802)**							
18	*Tả bật đạo Trung cần vệ thân sự tổng lãnh sứ* (ấn của Thân sự tổng lãnh sứ thuộc vệ Trung cần, đạo Tả bật)	Bảo Hưng, tháng 02 năm 1801	Hiện vật Bảo tàng Lịch sử TP.Hồ Chí Minh	4,2	9	6	560g	Tư liệu Bảo tàng Lịch sử TP.Hồ Chí Minh
19	*Phó đô ty chi chương* (ấn của Phó Đô ty	Bảo Hưng, tháng 5 năm 1802	Hiện vật Bảo tàng Lịch sử TP.Hồ Chí Minh	6	10	6,6	580g	Tư liệu Bảo tàng Lịch sử TP.Hồ Chí Minh
20	*Phó đô ty chi chương (ấn của của Phó Đô ty*	Bảo Hưng, tháng 5 năm 1802	Hiện vật Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh	7	10,1	7	650g	Tư liệu Bảo tàng TP.Hồ Chí Minh

Nguồn: Tác giả tổng hợp theo các nguồn tư liệu công bố đến năm 2022.

Căn cứ vào bảng 1 cho thấy, trong số 20 hiện vật ấn đồng thời Tây Sơn phát hiện cho đến nay hiện đang lưu giữ, trưng bày tại các bảo tàng và sưu tập tư nhân, thì chiếc ấn *Ty hội Đại sứ* thời Tây Sơn đúc vào mùa Đông năm 1791 là chiếc ấn có kích thước, trọng lượng lớn nhất.

Trên cơ sở kích thước, trọng lượng của các loại hình ấn chương từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX, nghiên cứu của Nguyễn Công Việt cho biết: Theo nghiên cứu ấn chương thì chức vụ cấp bậc càng cao thì ấn dấu càng lớn (20). Từ đó có thể khẳng định *Ty hội Đại sứ* được coi là lớn nhất trong hệ

thống tổ chức hành chính nhà nước thời Tây Sơn cũng như chức quan của thời kỳ này được phát hiện cho đến nay, ấn thuộc cơ quan Trung ương của chính quyền thời Tây Sơn, tương đương cấp Lục bộ, Viện

Về thời điểm đúc, tất cả các ấn đồng thời Tây Sơn có niên đại vào năm 1791 dưới triều vua Quang Trung (1788-1792) đều được đúc vào mùa Đông (tháng 10-12) của năm. Mặc dù sử liệu không ghi chép cụ thể, các di vật cũng chưa thật nhiều, tuy nhiên, sự trùng hợp về niên đại cụ thể thời điểm đúc của cả ấn triện quân đội cũng như chiếc ấn của Ty hội Đại sứ thuộc cơ quan trung ương đó hé mở cho chúng ta một bằng chứng lịch sử cho thấy, đây là thời điểm mà vua Quang Trung thực hiện việc củng cố hệ thống quản lý bộ máy nhà nước, chuẩn hoá các cơ quan chính quyền từ trung ương xuống địa phương; hệ thống quân đội cũng như hệ thống chức quan sau khi cơ bản ở khu vực phía Bắc đã dẹp yên các tàn tích của thời Lê - Trịnh, cũng như hoạt động bang giao được giữ vững với lân bang. Điều này được chứng minh qua nội dung bức chiếu của vua Quang Trung gửi cho La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp vào ngày 10 tháng 7 năm 1791: "Nay thiên hạ đã bình, kỷ cương đã định. Trẫm đoái trông tới kẻ có đức lớn, tuổi già, rất lấy làm chú ý" (21).

Nghiên cứu của Hoàng Anh Tuấn về sưu tập ấn chương các triều đại quân chủ Việt Nam hiện đang lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Tp.Hồ Chí Minh cho biết: Khảo sát ấn chương thời Tây sơn của Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ chí Minh và các ấn chương thời Tây Sơn thuộc sở hữu của các bảo tàng và tư nhân cho thấy, hầu hết các con dấu này được sử dụng trong quân đội, chủ yếu là các võ quan. Có thể ghi nhận các chức vụ: Đô uý, Đô đốc, Vệ quân sứ, Vệ uý, Đại đô đốc, Đô ty chỉ huy các Đạo, Doanh, Vệ, Suất (tên các đơn vị quân đội dưới triều Tây Sơn) khắc trên các con dấu này. Việc tìm thấy ấn chương Tây Sơn gắn với hoạt động quân sự phần nào cho thấy tính khốc liệt của cuộc chiến tranh giữa nhà Tây Sơn và các tập đoàn, thế lực chính trị đối kháng (22).

Như vậy là cho đến nay, ngoài các ấn triện thời Tây Sơn liên quan đến hệ thống quân đội, chiếc ấn của *Ty hội Đại sứ* trên đã góp phần bổ sung thêm một sử liệu về triều đại Tây Sơn trong lịch sử về hệ thống quản lý hành chính nhà nước, đặc biệt là hoạt động bang giao thời Tây Sơn vốn còn nhiều khoảng trống trong nhận thức cả về sử liệu cũng như di tồn vật chất.

4. Một vài nhận xét

Căn cứ vào việc ghi chép tản mạn trong một số chính sử thời Tây Sơn mà nhiều nghiên cứu đã đề cập đến như: *Ấn chương Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX* của Nguyễn Công Việt; sách *Cổ vật thời Tây Sơn* của Bảo tàng Lịch sử TP.Hồ Chí Minh và một số tư liệu công bố khác trên Tạp chí *Hán Nôm,* Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử, Khảo cổ học* của một số nhà nghiên cứu cho thấy, so với các triều đại khác trong lịch sử Việt Nam, hiện nay nguồn tư liệu và số lượng cổ vật thời Tây Sơn còn tồn tại không nhiều, tập trung chủ yếu là các loại hình bia đá, chuông, khánh, sắc phong, lư đỉnh ở các đền thờ, đình, chùa Số còn lại là một số các loại hình như trống, tiền cổ, văn bản cổ và số ít hiện vật thuộc loại hình ấn triện triều đại Tây Sơn

Chiếc ấn triện thời Tây Sơn *Ty hội Đại sứ* - Sứ bộ thời Tây Sơn trình bày ở trên cho thấy, đây là một hiện vật gốc, độc bản, là một trong số ít di sản chứa đựng nhiều giá trị lịch sử, văn hoá, góp phần bổ sung

thêm tư liệu về triều đại Tây Sơn trong lịch sử, đặc biệt là chế độ quan chế, hệ thống quản lý hành chính đất nước và bang giao. Đặc biệt là các hoạt động bang giao của vương triều Tây Sơn dưới thời vua Quang Trung (1788-1792) với nhà Thanh thời vua Càn Long (1735-1796).

Giá trị đặc biệt của con dấu *Ty hội Đại sứ* trình bày ở trên, không chỉ là một hiện vật hiếm trong số những cổ vật thời Tây Sơn còn tồn tại do tính chất khách quan của lịch sử, mà còn là một nguồn "sử liệu vật thật" có nhiều giá trị.

Chiếc ấn *Ty hội Đại sứ* phát hiện trên cho thấy, đây là một con dấu của cơ quan Ty - một cơ quan chuyên môn Trung ương về hoạt động bang giao, cho đến nay được coi là con dấu lớn nhất, đẹp nhất trong số tất cả các con dấu thời Tây Sơn hiện tồn, và cần thiết được bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị trong hệ thống di sản văn hoá thời Tây Sơn trong bối cảnh hiện nay.

CHÚ THÍCH

(1). Nguyễn Công Việt, *Ấn chương Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005, tr.235-243.

(2). Đào Duy Anh, *Hán Việt từ điển* - Quyển thượng, Nxb. Trường Thi, Sài Gòn, 1957, tr.239.

(3).Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988, tr.302.

(4).https://www.zdic.net/hans/%E5%8F%B8%E4%BC%9A

(5). Đỗ Văn Ninh, *Từ điển chức quan Việt Nam*, Nxb. Thông Tấn, Hà Nội, 2019.

(6). Nguyễn Công Việt, "Vài nét về tổ chức chính quyền, quân đội và chức quan thời Tây Sơn", Tạp chí *Hán Nôm*, số 3 (59) năm 2003. Nguồn: http://www.hannom.org.vn/web/tchn/data/0304.htm), Giờ truy cập 11h AM, ngày 12-12-2022.

(7). Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Bản dịch Viện Sử học, tập 2, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 2005, tr.554-608.

(8). Nguyễn Thế Long, *Chuyện đi sứ - tiếp sứ thời xưa*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2001, tr.232-233.

(9), (11). Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb. Tân Việt, Sài Gòn, 1954, tr.364, 376.

(10), (16). Nguyễn Thế Long, *Chuyện đi sứ - tiếp sứ thời xưa*, Nxb. Văn hóa Thông tin, 2001, tr.232-233, 301-303

(12). Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb. Tân Việt, Sài Gòn, 1954, tr.383.

(13), (15). Nguyễn Thị Thảo, Phạm Văn Thắm, Nguyễn Kim Oanh, *Sứ thần Việt Nam*, Nxb.Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1996, tr.177-178, 302.

(14).Văn Tân, *Cách mạng Tây Sơn*, Nxb.Văn Sử Địa, Hà Nội, 1958, tr.151-152.

(17), (18). Nguyễn Thị Thảo, Phạm Văn Thắm, Nguyễn Kim Oanh, *Sứ thần Việt Nam*, Nxb.Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1996, tr.177-178, 302, 302, 106.

(19), (20). Bảo tàng Lịch sử Tp.Hồ Chí Minh, *Cổ vật thời Tây Sơn*, Bảo tàng Lịch sử Tp.Hồ Chí Minh xuất bản, Tp. Hồ Chí Minh, 2011, tr.118-123, 163-173.

(21). Nguyễn Công Việt, *Ấn chương Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005, tr.244.

(22). Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn Phu Tử", trong *Những tác phẩm văn học được giải thưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1993, tr.589.

(23). Hoàng Anh Tuấn, "Về sưu tập ấn chương tại Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ chí Minh", trong *Thông báo khoa học kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh (1979-2019)*, Nxb. Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh, 2019, tr.181-188.